

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn
của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia**

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc quản lý các hoạt động cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với:

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.
2. Tổ chức và cá nhân có nhu cầu được vay vốn để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Quỹ* là viết tắt của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.
2. *Khách hàng* là tên gọi chung cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu và được vay vốn từ nguồn vốn của Quỹ.
3. *Ngân hàng nhận ủy thác* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Quỹ ủy thác thực hiện hoạt động cho vay.
4. *Ủy thác cho vay* là việc Quỹ giao cho Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện một số hoạt động liên quan đến việc cho vay đối với khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật.
5. *Hợp đồng nhận ủy thác và ủy thác cho vay (sau đây gọi tắt là Hợp đồng ủy thác)* là thỏa thuận bằng văn bản giữa bên nhận ủy thác hoạt động cho vay và Quỹ nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên về việc ủy thác và nhận ủy thác hoạt động cho vay.

Điều 4. Nguyên tắc chung về việc cho vay

1. Quỹ thực hiện cho vay đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là dự án) theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2014/NĐ-CP) và các văn bản có liên quan.
2. Quỹ thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để xét chọn các dự án đề nghị vay vốn theo nguyên tắc công khai, bình đẳng; việc thẩm định tín dụng và các nghiệp vụ liên quan được ủy thác cho một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện.
3. Các dự án đề nghị được vay vốn không đồng thời nhận các tài trợ, hỗ trợ từ các nguồn Ngân sách Nhà nước khác cho các nội dung xin vay vốn tại Quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này.
4. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải cung cấp hồ sơ chứng minh dự án đã được phê duyệt, chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án, tính hiệu quả kinh tế của dự án, có khả năng hoàn trả gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn; cung cấp hồ sơ về tài sản bảo đảm tiền vay và tự chi trả mọi chi phí phát sinh liên quan đến các thủ tục trên.
5. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 5. Đối tượng và điều kiện được xem xét vay vốn

1. Đối tượng được vay vốn từ nguồn vốn của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP.
2. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - a) Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu

trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện dự án vay vốn theo quy định;

c) Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có các khoản nợ đọng thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Có vốn tự có tham gia thực hiện dự án tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư của dự án.

3. Dự án vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả xác nhận đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);

b) Công nghệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của khách hàng và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

c) Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu hành theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chí xác định lãi suất cho vay và nội dung được vay vốn

1. Tiêu chí xác định lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Khoản 3 Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Cho vay không lấy lãi đối với các dự án đáp ứng các tiêu chí sau:

- Dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức “đạt” trở lên và được cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả;

- Dự án tạo việc làm, thu nhập cho ít nhất 500 (năm trăm) lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của dự án tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Cho vay với lãi suất bằng 70% lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ được áp dụng đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức “đạt” trở lên và được cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả;

c) Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời kỳ được áp dụng đối với các dự án ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ nước ngoài phù hợp với Luật

chuyên giao công nghệ.

2. Các nội dung thực hiện dự án được xem xét cho vay bao gồm: mua nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng; mua máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; mua bí quyết công nghệ, chuyên giao công nghệ; thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

Điều 7. Bảo đảm tiền vay

1. Khoản đề nghị vay vốn phải có bảo đảm tiền vay với giá trị tối thiểu bằng 100% giá trị khoản vay.

2. Các biện pháp bảo đảm tiền vay được chấp nhận là một trong hai trường hợp sau:

a) Bảo lãnh ngân hàng;

b) Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, phương tiện vận tải, máy móc, dây chuyền thiết bị (bao gồm tài sản hiện hữu hoặc tài sản hình thành trong tương lai). Tài sản dùng làm bảo đảm tiền vay phải có nguồn gốc xuất xứ, được tổ chức định giá tài sản có uy tín (thuộc danh mục do Bộ Tài chính công bố) thẩm định, được phép giao dịch, có thanh khoản, không bị tranh chấp và được mua bảo hiểm mọi rủi ro trong suốt thời gian bảo đảm.

3. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và hợp đồng bảo đảm đã ký.

Điều 8. Hạn mức cho vay

1. Quỹ cho vay tối đa 70% tổng vốn đầu tư của dự án và không quá 10 (mười) tỷ đồng/dự án.

2. Thời hạn cho vay cho một dự án tối đa là 36 (ba mươi sáu) tháng.

3. Tổng doanh số cho vay hàng năm không quá 20% và tổng dư nợ cho vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng doanh số cho vay hàng năm đối với các dự án quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 6 Thông tư này không lớn hơn 2/3 vốn cho vay theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 9. Ủy thác cho vay

1. Nguyên tắc ủy thác:

a) Quỹ ủy thác hoạt động cho vay cho Ngân hàng nhận ủy thác thông qua Hợp đồng ủy thác.

Nội dung của Hợp đồng ủy thác quy định các nội dung về nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm của Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác và các nội dung khác do các bên thoả thuận phù hợp và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về nhận ủy thác, quy định cho vay từ nguồn vốn của Quỹ tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ được ủy thác theo quy định tại Hợp đồng ủy thác và quy định của pháp luật hiện hành về cấp tín dụng của

tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy trình của Ngân hàng nhận ủy thác.

2. Yêu cầu đối với bên nhận ủy thác:

a) Đáp ứng các điều kiện về thực hiện nhận ủy thác theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 30/2014/TT-NHNN);

b) Cam kết cấp tín dụng tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư của dự án đã được Quỹ chấp thuận cho vay, trừ trường hợp Ngân hàng bảo lãnh cho khách hàng 100% giá trị khoản vay;

c) Trường hợp có nhiều ngân hàng đáp ứng được các yêu cầu nêu trên, Quỹ sẽ lựa chọn ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất tại thời điểm xem xét lựa chọn Ngân hàng nhận ủy thác.

3. Nội dung, phạm vi ủy thác:

Quỹ ủy thác cho Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ như sau: thẩm định tín dụng; soạn thảo và ký kết hợp đồng cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay; một số phần việc liên quan đến bảo đảm tiền vay và xử lý bảo đảm tiền vay; giải ngân vốn cho vay; kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay; thu hồi các khoản vốn cho vay, thu lãi vay và nội dung khác phù hợp với quy định hiện hành về ủy thác và nhận ủy thác.

Nội dung, phạm vi ủy thác cụ thể cho từng khoản vay được quy định trong Hợp đồng ủy thác.

4. Phí ủy thác:

Phí ủy thác được thỏa thuận giữa Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác nhưng chênh lệch không quá 30% phí ủy thác công bố của Ngân hàng nhận ủy thác tại thời điểm ký Hợp đồng ủy thác đối với từng dự án cho vay.

5. Quy trình phối hợp:

a) Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện ký Hợp đồng ủy thác nguyên tắc trong đó thỏa thuận các hợp tác cơ bản giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 5 Thông tư số 30/2014/TT-NHNN.

b) Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn các dự án theo các tiêu chí khoa học và công nghệ, xác định mục đích sử dụng vốn, quy định về mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này và gửi kết quả cho Ngân hàng nhận ủy thác.

c) Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện thẩm định tín dụng theo quy định của Ngân hàng sau khi có văn bản đề nghị của Quỹ đối với dự án được Hội đồng đề nghị cho vay.

d) Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và kết quả thẩm định tín dụng của ngân hàng để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt cho vay.

đ) Trên cơ sở quyết định cho vay bằng văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ, hai bên thực hiện ký Hợp đồng uỷ thác chi tiết đối với dự án cho vay.

e) Quỹ và Ngân hàng nhận uỷ thác thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm theo các quy định của Thông tư này và các điều khoản tại Hợp đồng uỷ thác. Quy trình phối hợp cụ thể giữa các bên được quy định cụ thể tại Hợp đồng uỷ thác.

g) Hai bên thực hiện thanh lý Hợp đồng uỷ thác khi các bên liên quan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc khi hợp đồng được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký

1. Thời gian nhận hồ sơ: Hằng năm, Quỹ thông báo thời hạn nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ và hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan.

2. Hồ sơ đăng ký được lập thành 02 (hai) bộ theo quy định của Quỹ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị vay vốn theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thuyết minh dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống theo Mẫu 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tài liệu pháp lý của khách hàng gồm: đăng ký kinh doanh và điều lệ doanh nghiệp; giấy tờ chứng minh năng lực pháp lý; giấy tờ chứng minh người đại diện theo pháp luật và văn bản phê duyệt phương án vay vốn;

d) Tài liệu pháp lý của dự án: văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan chức năng về dự án đầu tư (nếu có). Các giấy phép, bản quyền cho công nghệ ứng dụng, các hạng mục xây dựng, xuất nhập khẩu, sản xuất sản phẩm của dự án;

đ) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính, năng lực quản lý, chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật của khách hàng: báo cáo tài chính có kiểm toán 2 năm gần nhất; xác nhận của cơ quan thuế; nhân lực theo ngành nghề phục vụ cho việc triển khai dự án; các dự án tương tự đã thực hiện; mặt bằng, nhà xưởng máy móc thiết bị;

e) Hồ sơ bảo đảm tiền vay cho khoản vay: các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng; định giá tài sản; bảo hiểm rủi ro;

g) Các tài liệu khác theo quy định của Ngân hàng nhận uỷ thác.

3. Khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đó.

4. Hồ sơ hợp lệ đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được Cơ quan điều hành Quỹ đưa vào đánh giá, thẩm định theo quy định.

Điều 11. Tổ chức đánh giá, thẩm định, phê duyệt

1. Đánh giá khoa học và công nghệ:

a) Quỹ thực hiện việc đánh giá khoa học và công nghệ của dự án đề nghị vay vốn thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Quỹ thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Quỹ về việc cho vay hoặc không cho vay, mức vốn vay, lãi suất vay và thời hạn vay.

b) Số lượng, cơ cấu tổ chức và quy trình làm việc của Hội đồng được thực hiện theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

c) Nội dung đánh giá:

- Đánh giá về sự phù hợp của dự án với phạm vi, đối tượng cho vay của Quỹ quy định tại Điều 1 và Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

- Đánh giá, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Kết quả đánh giá của Hội đồng được ghi vào biên bản họp hội đồng và được gửi cho Quỹ để triển khai các công việc tiếp theo:

- Trường hợp Hội đồng đề nghị cho vay, Quỹ gửi hồ sơ dự án cho Ngân hàng nhận ủy thác để thẩm định tín dụng;

- Trường hợp Hội đồng đề nghị không cho vay, Quỹ gửi văn bản thông báo cho khách hàng về kết quả đánh giá đối với dự án.

đ) Trong một số trường hợp cần thiết khi có đề nghị của Hội đồng và được Cơ quan điều hành Quỹ chấp thuận, Quỹ và thành viên đại diện Hội đồng có thể tiến hành thẩm định thực tế tại địa điểm triển khai dự án trước khi đưa ra ý kiến kết luận về kết quả đánh giá dự án.

2. Thẩm định tín dụng:

a) Việc thẩm định tín dụng dự án sẽ do Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện theo các quy định của tổ chức và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Kết quả thẩm định tín dụng của Ngân hàng nhận ủy thác được thông báo cho Quỹ bằng văn bản theo mẫu được quy định tại Hợp đồng ủy thác.

3. Phê duyệt dự án:

a) Tổng hợp kết quả đánh giá, thẩm định:

Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và kết quả thẩm định tín dụng của Ngân hàng để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt. Dự án được Quỹ đề nghị cho vay phải được Hội đồng đề nghị cho vay và Ngân hàng nhận ủy thác đề nghị cấp tín dụng.

Trường hợp Ngân hàng nhận ủy thác đề nghị không cấp tín dụng, Quỹ gửi văn bản thông báo cho khách hàng về kết quả đánh giá và thẩm định đối với dự án.

b) Thông báo kết quả phê duyệt dự án:

Quỹ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng nhận ủy thác và khách hàng về quyết định cho vay/không cho vay của Quỹ đối với hồ sơ dự án sau khi có kết quả phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ để các bên biết và phối hợp thực hiện.

4. Thời gian xử lý và thông báo kết quả đánh giá, thẩm định dự án tối đa là 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 12. Hủy bỏ quyết định cho vay

1. Trong thời gian kể từ ngày quyết định cho vay có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định cho vay đối với dự án nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng có giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

b) Vi phạm các yêu cầu đối với khách hàng quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện dự án từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

2. Khách hàng có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

Điều 13. Giải ngân vốn vay

1. Quỹ chuyển vốn cho vay vào tài khoản được mở riêng cho Quỹ tại Ngân hàng nhận ủy thác sau khi ký Hợp đồng ủy thác.

2. Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện giải ngân phù hợp với tiến độ dự án, kỳ hạn rút vốn được quy định trong Hợp đồng tín dụng, theo quy định của pháp luật liên quan và chuyển cho Quỹ bản sao các chứng từ liên quan trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm giải ngân.

3. Trường hợp phải dừng giải ngân vốn vay, thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng nhận ủy thác phải có văn bản thông báo cho Quỹ để xử lý theo quy định.

Điều 14. Quản lý giám sát khoản vay

1. Quỹ phối hợp với Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện kiểm tra đối với các khoản vay theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay.

2. Quỹ giám sát Ngân hàng nhận ủy thác việc thực hiện Hợp đồng ủy thác để đôn đốc việc thu hồi nợ, kịp thời xử lý những phát sinh liên quan đến khoản vay và các vấn đề có liên quan khác.

3. Công tác kiểm tra, giám sát được lập thành biên bản để làm căn cứ xử lý và lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 15. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay

1. Quỹ xem xét, thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay trong trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn do tạm thời gặp khó khăn nhưng có khả năng khắc phục được.

2. Trước kỳ hạn trả nợ 02 (hai) tháng, khách hàng phải có đơn đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ vay theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cùng tài liệu chứng minh nguyên nhân chậm trả và phương án trả nợ mới gửi Ngân hàng nhận ủy thác và Quỹ.

3. Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện kiểm tra tình trạng sử dụng vốn vay đúng mục đích, thẩm định phương án trả nợ mới để trình Giám đốc Quỹ quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc Hội đồng Quản lý quỹ quyết định gia hạn nợ vay.

4. Thời gian cho mỗi lần gia hạn nợ vay không quá 1/3 (một phần ba) thời hạn ghi trong hợp đồng cho vay. Tổng thời gian gia hạn nợ của một dự án vay vốn không vượt quá thời hạn cho vay của dự án đó.

5. Các khoản vay chậm trả không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ thì số nợ quá hạn phải trả được chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của cả gốc và lãi, tính từ thời điểm quá hạn. Đối với các trường hợp cho vay không lấy lãi, khi được gia hạn, khách hàng phải chịu lãi suất vay bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước do Bộ Tài chính công bố.

6. Đối với điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, Quỹ xem xét, quyết định trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối với gia hạn nợ vay, Quỹ xem xét, quyết định trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo và lưu giữ hồ sơ

1. Chế độ thông tin, báo cáo:

Quỹ có trách nhiệm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng về tình hình hoạt động cho vay theo định kỳ 01 (một) năm/lần hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý.

2. Lập và lưu giữ hồ sơ:

a) Ngân hàng nhận ủy thác chịu trách nhiệm lập và bảo quản hồ sơ tín dụng theo quy định của ngân hàng và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Ngân hàng nhận ủy thác có trách nhiệm gửi Quỹ 01 (một) bộ hồ sơ tín dụng (bản sao có xác nhận của ngân hàng) trước khi thanh lý Hợp đồng ủy thác và khi có yêu cầu của Quỹ bằng văn bản;

c) Quỹ có trách nhiệm bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành của Nhà nước. Hồ sơ lưu giữ bao gồm: các hồ sơ thu nhận được do khách hàng cung cấp từ ban đầu và trong quá trình giải quyết công việc; các tờ trình, báo cáo, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, quyết định cấp tín dụng; các hợp đồng, các tài liệu tài chính và pháp lý, chứng từ có liên quan đến khoản vay, bảo đảm tiền vay của các bên tham gia hợp đồng.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ

1. Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu liên quan đến dự án vay vốn, từ chối cho vay nếu dự án không đạt yêu cầu khi đánh giá, thẩm định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.
2. Quyết định lựa chọn Ngân hàng nhận ủy thác nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn vay an toàn hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
3. Có quyền giám sát, kiểm tra Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện Hợp đồng ủy thác đồng thời yêu cầu Ngân hàng nhận ủy thác báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện Hợp đồng ủy thác.
4. Phối hợp với Ngân hàng nhận ủy thác kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, kiểm tra tài sản đảm bảo tiền vay, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định.
5. Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng nhận ủy thác trái với những thỏa thuận trong Hợp đồng ủy thác, xử lý theo thẩm quyền hoặc khởi kiện trước pháp luật khi Ngân hàng nhận ủy thác vi phạm Hợp đồng ủy thác.
6. Thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc chuyển vốn ủy thác, trả phí ủy thác cho Ngân hàng nhận ủy thác theo thỏa thuận tại Hợp đồng ủy thác.
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo nội dung của Hợp đồng ủy thác hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của bên vay

1. Từ chối các yêu cầu của Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác không đúng với các quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng tín dụng theo quy định pháp luật.
2. Yêu cầu cấp vốn vay khi có đủ điều kiện cấp vốn.
3. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc, lãi vay và các khoản phí đầy đủ, đúng thời hạn, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.
4. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn cho Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định.
5. Báo cáo kết quả thực hiện dự án cho Quỹ sau khi dự án kết thúc.
6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm Hợp đồng tín dụng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Quyết định số 28/QĐ-HĐQLQ ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành Quy định về việc cho vay của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hết

hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia có trách nhiệm xây dựng quy trình cho vay, cơ chế kiểm soát nội bộ, đánh giá rủi ro và xử lý rủi ro để tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; các Website Chính phủ, Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, Quỹ NAFOSTED (05).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh